

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN M'ĐRẮK
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2021/HNGĐ-ST

Ngày 30 tháng 8 năm 2021

V/v không công nhận là vợ chồng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M'ĐRẮK**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Thế Dương.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Ngô Trọng Búp - Cán bộ hưu trí; ông Nông Anh Dũng - Bí thư Huyện đoàn M'Đrắk.

- Thư ký phiên tòa: ông Vũ Văn Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: ông Y Gon Niê – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2021 tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 47/2021/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2021 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* ông Lê Văn T sinh năm 1970. Địa chỉ: tổ dân phố 1, thị trấn M, huyện M, tỉnh Đ. Ông T có mặt tại phiên tòa.

2. *Bị đơn:* bà Hoàng Thị M sinh năm 1975. Địa chỉ: tổ dân phố 1, thị trấn M, huyện M, tỉnh Đ. Bà M có mặt tại phiên tòa.

3. *Người có quyền lợi liên quan:* anh Lê Anh T1 sinh ngày 21/5/2005. Địa chỉ: Tổ dân phố 1, thị trấn M, huyện M, tỉnh Đ. Anh T1 có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Lê Văn T trình bày:***

Ông T và bà Hoàng Thị M tự nguyện chung sống với nhau và coi nhau như vợ chồng từ cuối năm 1992, do không am hiểu pháp luật, nên ông, bà không đăng ký kết hôn. Trước và trong thời gian chung sống với nhau, ông T và bà M chưa ai có vợ, có chồng với người khác. Ông, bà chung sống với nhau, đến tháng 10 năm 2020, bà M có dấu hiệu ngoại tình, nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bà M đã tự ý bỏ đi, không chung sống với ông T. Ông T và bà M mâu thuẫn trầm trọng, không

còn tình cảm gì với nhau, nên ông T yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông T được ly hôn với bà M.

Về nuôi con chung: ông T và bà M có 03 con chung là Lê Đức T2 sinh ngày 15/11/1993, Lê Văn L sinh ngày 24/11/1995 và Lê Anh T1 sinh ngày 21/01/2005. Lê Đức T2 và Lê Văn L đã thành niên và tự lập, còn Lê Anh T1 dưới 18 tuổi, ông T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng. Tuy nhiên, con muốn ở với ai thì Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của con. Ông T không yêu cầu bà M cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: ông T và bà M tự thỏa thuận chia, nếu có tranh chấp sẽ yêu cầu Tòa án giải quyết sau.

** Bị đơn bà Hoàng Thị M trình bày:*

Bà M và ông Lê Văn T được gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục từ cuối năm 1992 và chung sống với nhau, tại thời điểm đó bà M chưa đủ tuổi kết hôn. Sau đó, do không am hiểu pháp luật, nên ông, bà không đăng ký kết hôn.

Quá trình chung sống, bà M và ông T không hợp nhau, vợ chồng sinh nhiều mâu thuẫn, ông T rượu chè, cờ bạc, đánh đập bà M. Do mâu thuẫn trầm trọng, bà M không chung sống với ông T từ cuối năm 2020 đến nay. Bà M và ông T không còn tình cảm gì với nhau và không thể tiếp tục chung sống với nhau. Bà M yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà M được ly hôn với ông T.

Về nuôi con chung: bà M và ông T có 03 con chung, như ông T trình bày. Bà M có nguyện vọng được nuôi con Lê Anh T1. Tuy nhiên, con muốn ở với ai thì Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của con. Bà M không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: bà M và ông T tự thỏa thuận chia. Nếu có tranh chấp, bà M sẽ yêu cầu giải quyết sau.

** Người có quyền lợi liên quan anh Lê Anh T1 trình bày:* anh T1 đã có khả năng lao động để tự nuôi sống bản thân. Tuy nhiên, nếu ông T và bà M không tiếp tục chung sống với nhau, anh T1 có nguyện vọng ở cùng bà M.

** Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:*

- Về tố tụng: Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án; xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự; việc thu thập chứng cứ, trình tự giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS). Trong quá trình thụ lý, giải quyết, xét xử vụ án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, các đương sự đã chấp hành đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung, đề nghị HĐXX: Không công nhận ông Lê Văn T và bà Hoàng Thị M là vợ chồng; Chấp nhận theo nguyện vọng của anh T1, giao anh T1 cho bà Hoàng Thị M trực tiếp nuôi dưỡng anh T1 đến khi đủ 18 tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng và quan hệ pháp luật cần giải quyết:

Ông Lê Văn T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bị đơn bà Hoàng Thị M, bà M có địa chỉ cư trú tại huyện M'Đrăk, tỉnh Đắk Lắk. Quan hệ pháp luật cần giải quyết là tranh chấp ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện M'Đrăk

[2] Về nội dung:

Ông T và bà M chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1992. Ông T và bà M có đủ điều kiện kết hôn, nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân gia đình (HNGĐ). Theo khoản 1 Điều 9 Luật HNGĐ, thì: *“Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý”*.

Tại khoản 1 Điều 14 của Luật HNGĐ quy định: *“Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này”*.

Tại khoản 2 Điều 53 Luật HNGĐ quy định: *“Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này; nếu có yêu cầu về con cái và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này”*.

Do ông T và bà M không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Nay ông T yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà M. Căn cứ vào khoản 2 Điều 53 Luật HNGĐ, HĐXX tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông T và bà M.

Về con cái: ông T và bà M có 03 con chung là Lê Đức T2 sinh ngày 15/11/1993, Lê Văn L sinh ngày 24/11/1995 và Lê Anh T1 sinh ngày 21/01/2005. Anh T2 và anh L đã thành niên và tự lập, nên HĐXX không xem xét, giải quyết. Anh T1 là người chưa thành niên (dưới 18 tuổi) và có nguyện vọng được ở với bà M. Để đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của người con chưa thành niên, căn cứ vào Điều 68, Điều 69, Điều 70 và Điều 81 của Luật HNGĐ, HĐXX giao anh T1 cho bà M trực tiếp nuôi dưỡng đến khi anh T1 thành niên là phù hợp.

Về tài sản và nợ chung: ông T và bà M tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết, nên HĐXX không xem xét, nếu có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

Về án phí: theo quy định tại khoản 4 Điều 147 BLTTDS, ông T là nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm. Căn cứ theo điểm a khoản 5 Điều 27, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, ông T phải chịu 300.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 220, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 14, Điều 53, Điều 68, Điều 69, Điều 70 và Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Tuyên xử:

1. Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Lê Văn T và bà Hoàng Thị M.

2. Giao con Lê Anh T1 sinh ngày 21/01/2005 cho bà Hoàng Thị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi).

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con; không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

2. Về án phí: ông Lê Văn T phải chịu 300.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch, được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng mà ông T đã nộp tạm ứng án phí, theo biên lai số 60AA/2021/0005031 ngày 08/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M'Đrăk.

3. Thông báo quyền kháng cáo: các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền làm đơn kháng cáo bản án HNGĐ - ST trong thời hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện M'Đrăk;
- Chi cục T.H.A dân sự huyện M'Đrăk;
- UBND thị trấn M'Đrăk;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thế Dương